

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ D  
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2020/HNGĐ-ST

Ngày 26-8-2020

V/v: tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D, TỈNH B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thắm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh B.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 292/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Kiều T; sinh năm 1989; thường trú: Số 19/5, khu phố T, phường T1, thành phố D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt

- Bị đơn: Anh Trịnh Khắc K, sinh năm 1989; thường trú: Số 4/9A, khu phố T1, phường D, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 4 năm 2020 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Võ Thị Kiều T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Kiều T và anh Trịnh Khắc K có thời gian tìm hiểu nhau 01 năm thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện D (nay là phường D, thành phố D), tỉnh B theo giấy chứng nhận kết hôn số 169/2009, quyền số 01 ngày 11/7/2009.

Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại 19/5, khu phố T, phường T1, thành phố D, tỉnh B cho đến nay. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nguyên nhân là do anh Trịnh Khắc K không lo lắng, chia sẻ gánh vác kinh tế trong gia đình cùng với chị Võ Thị Kiều T, vợ chồng không có sự chia sẻ, bất đồng quan điểm sống. Nay, chị Võ Thị Kiều T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Trịnh Khắc K.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Trịnh Gia B, sinh ngày 04/12/2011. Hiện nay con chung đang sống cùng chị Võ Thị Kiều T và anh Trịnh Khắc K. Sau khi ly hôn, chị Võ Thị Kiều T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Trịnh Khắc K cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay chị Võ Thị Kiều T đang làm công nhân, thu nhập trung bình hàng tháng khoảng 7.000.000 đồng, anh Trịnh Khắc K không có công việc ổn định, không có thu nhập.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Võ Thị Kiều T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Bị đơn anh Trịnh Khắc K:*

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và triệu tập đến Tòa án để lấy lời khai, hòa giải, tiếp cận chứng cứ cho anh Trịnh Khắc K nhưng anh Trịnh Khắc K không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, không cung cấp chứng cứ và không nêu ý kiến đối với các yêu cầu của nguyên đơn.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D tham gia phiên tòa:*

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, việc giải quyết đảm bảo tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Võ Thị Kiều T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn anh Trịnh Khắc K vắng mặt tại phiên tòa hai lần liên tiếp không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Kiều T và anh Trịnh Khắc K là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện D (nay là phường D, thành phố D), tỉnh B theo giấy chứng nhận kết hôn số 169/2009, quyền số 01 ngày 11/7/2009 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Chị Võ Thị Kiều T cho rằng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không có sự chia sẻ, anh Trịnh Khắc K không chăm chỉ làm việc để tạo ra thu nhập, vợ chồng không có tiếng nói chung. Nay, chị Võ Thị Kiều T xác định tình cảm dành cho anh Trịnh Khắc K không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nên yêu cầu được ly hôn. Bản thân anh Trịnh Khắc K, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Trịnh Khắc K không có mặt và cũng không có bất kỳ ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn, điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn và không muốn hàn gắn, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không đạt được mục đích. Vì vậy, xét thấy không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống chung của vợ chồng, yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Kiều T là có cơ sở, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị Võ Thị Kiều T và anh Trịnh Khắc K có 01 con chung tên Trịnh Gia B, sinh ngày 04/12/2011. Chị Võ Thị Kiều T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, anh Trịnh Khắc K không có ý kiến đối với vấn đề con chung. Xét thấy cháu Trịnh Gia B có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Võ Thị Kiều

T, đồng thời chị Võ Thị Kiều T là người có khả năng lao động, có thu nhập hàng tháng ổn định nên có đủ khả năng nuôi con. Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình có cơ sở giao cháu Trịnh Gia B cho chị Võ Thị Kiều T trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo tốt nhất về mọi mặt cho con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Võ Thị Kiều T không yêu cầu anh Trịnh Khắc K cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Anh Trịnh Khắc K có quyền đi lại thăm con.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Chị Võ Thị Kiều T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn không có giá ngạch theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 147, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Kiều T với anh Trịnh Khắc K.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Kiều T được ly hôn với anh Trịnh Khắc K (Giấy chứng nhận kết hôn số 169/2009, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân thị trấn Dĩ An, huyện Dĩ An (nay là phường D, thành phố D), tỉnh B cấp ngày 11/7/2009)

1.2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Trịnh Gia B, sinh ngày 04/12/2011 cho chị Võ Thị Kiều T trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau ly hôn, chị Võ Thị Kiều T và anh Trịnh Khắc K đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Võ Thị Kiều T về việc không yêu cầu anh Trịnh Khắc K cấp dưỡng nuôi con.

1.4. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị Kiều T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0040373 ngày 05/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh B. Chị Võ Thị Kiều T đã nộp đủ.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự (2);
- VKSND thành phố D (1);
- CC THADS thành phố D (1);
- TAND tỉnh B (1);
- UBND phường D, thành phố D, tỉnh B (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)  
Trần Thị Thắm**